

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2019/HSST
Ngày: 31/12/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Bà Đồng Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Phượng, Thư ký - Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Mai Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 164/2019/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2019; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và Tên: **Nguyễn Mạnh C**, (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1986, tại Hà Nội; Nơi cư trú: Đội 6, thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L (N) và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Trịnh Thu H (đã ly hôn); Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012

- Tiền án:

+ Tại bản án số 47/2009/HSST ngày 18/03/2009 Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội xử phạt 9 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Tại bản án số 134/2010/HSST ngày 20/7/2010 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Tại bản án số 242/2013/HSST ngày 9/9/2013 Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Tại bản án số 134/2013/HSST ngày 11/9/2013 Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 14/4/2019 Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương ra quyết định tổng hợp hình phạt 36 tháng tù tại bản án số 242 ngày 9/9/2013 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội với hình phạt 36 tháng tù tại bản án số 134/2013/HSST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương, buộc Nguyễn Mạnh

C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 72 tháng tù. Ra trại về địa phương ngày 13/9/2018.

- Tiền sự: chưa có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019 đến ngày 12/7/2019 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình đến nay, (Có mặt).

2. Họ và Tên: **Phạm Văn H**, (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1988, tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Trương Thị H; Con: có 01 con sinh năm 2015;

- Tiền án:

+ Tại bản án số 13/2017/HSST ngày 19/7/2017 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 45/2017/HSST ngày 17/8/2017 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/9/2017 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định tổng hợp hình phạt đối với bản án số 45/2017/HSST ngày 17/8/2017 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt Hiệp 15 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” và bản án số 13/2017/HSST ngày 19/7/2017 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt Hiệp 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” buộc Phạm Văn H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 27 tháng tù. Ra trại về địa phương ngày 20/12/2018.

- Tiền sự: chưa có;

Lịch sử bản thân:

+ Tại bản án số 266/HSST ngày 31/10/2011 Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam số 1 - Hà Nội trong vụ án khác được trích xuất dân giải đến phiên tòa, (Có mặt).

Bị hại:

1. Chị Đinh Thị P, sinh năm 1978; Trú tại: số nhà 42, ngõ 186, đường N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

2. Anh Vũ Thanh P1, sinh năm 1986; Trú tại: số nhà 03, đường P, phố 7, phường V, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

3. Bà Tống Thị B, sinh năm 1959; Trú tại: số nhà 27, ngõ 70, đường P, phố 4, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

4. Ông Trần Hải N, sinh năm 1960; Trú tại: đường P, phố T, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Lê Đình T, sinh năm 1985; Trú tại: thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Mạnh C và Phạm Văn H có mối quan hệ họ hàng với nhau, cả hai là những đối tượng mới ra trại về địa phương không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài, Cường nảy sinh ý định rủ H về địa bàn thành phố N tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Trong hai ngày, 08/4/2019 và ngày 22/4/2019 C và H đã 04 lần cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 01/4/2019 Cường gọi điện cho Phạm Văn H rủ Hiệp ra thành phố Hà Nội để cùng C đi trộm cắp xe mô tô, H đồng ý. Sáng ngày 7/4/2019 H bắt xe khách từ Thanh Hóa ra đến thành phố Hà Nội sau đó đi về nhà C tại thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội. Khoảng 16 giờ ngày 8/4/2019 C và H cùng nhau đi về thành phố N để tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, khi đi C cầm theo 01 chiếc cà lê loại số 8 có gắn một đầu mũi khoan đã được mài đẹp để làm công cụ mở khóa xe mô tô và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng đen (C không nhớ biển kiểm soát) chở H. Khoảng 18 giờ cùng ngày, cả hai đến khu vực thành phố N đi trên đường quốc lộ 1A hướng từ Hà Nội về thành phố N, khi đến khu vực tín hiệu đèn giao thông ngã tư đường V giao với đường Trương Hán Siêu, C điều khiển xe mô tô rẽ phải vào đường Trương Hán Siêu thì phát hiện phía bên trái trong ngõ 135, đường Trương Hán Siêu, phố P, phường P, thành phố N có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, màu đen trắng, biển kiểm soát 35N1-055..9 của chị Đinh Thị P, sinh năm 1978, trú tại số 42, ngõ 186, đường N, phố V, phường T, thành phố N để phía trước cửa số nhà 19, C điều khiển xe mô tô rẽ trái vào ngõ đi qua chiếc xe mô tô Honda SH 125i, quan sát khu vực xung quanh ngõ, thấy không có người trông coi tài sản, C dừng xe cách chiếc xe Honda SH 125i khoảng 10m, rồi H xuống xe cầm theo 01 chiếc cà lê loại số 8 có gắn một đầu mũi khoan đã được mài đẹp do C chuẩn bị từ trước và đi đến gần chiếc xe mô tô Honda SH 125i để tìm cách lấy trộm chiếc xe thì quan sát thấy phía trong số nhà 08 có người đang ngồi nên H quay lại chỗ C nói không làm được, C bảo “để em làm cho” và lấy chiếc cà lê từ H đi đến xe mô tô Honda SH 125i, còn H ngồi trên xe mô tô để quan sát và cảnh giới cho C. Khi C đến vị trí xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, màu đen trắng, biển kiểm soát 35N1-055.79, C chọc đầu mũi khoan mài đẹp vào ổ khóa điện và dùng tay vặn chiếc cà lê theo xuôi chiều kim đồng hồ làm chiếc xe mô tô bật sáng điện, C dắt lùi chiếc xe mô tô về phía sau và quay đầu xe hướng ra đường Trương Hán Siêu, lúc này thấy có xe mô tô đi đến nên C và H đứng tại vị trí quan sát đến khi chiếc xe mô tô đi qua, C ngồi lên xe mô tô Honda SH 125i màu đen trắng, biển kiểm soát 35N1-055..9 nổ máy và bỏ chạy, còn H điều khiển xe mô tô Honda Airblade đi theo phía sau, đến khu vực ngã tư đường Trương Hán Siêu cả hai rẽ trái thẳng hướng đi Hà Nội, đi được khoảng 300m, C vẫy tay ra tín hiệu cho H dừng xe để C lên xe Honda Airblade điều khiển, còn H điều khiển xe Honda SH vừa trộm cắp được đi về nhà C ở thôn V, xã Đ, huyện T,

thành phố Hà Nội. Sau khi đi về nhà C đến khoảng 22 giờ ngày 8/04/2019, H điện thoại cho anh Lê Đình T, sinh năm 1985, trú tại thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, có mối quan hệ quen biết với H nói “khách mới cầm xe không có khả năng thanh toán, anh có mua không”, anh T đồng ý và hẹn gặp H để xem xe ở thành phố Hà Nội, còn H nói với C sáng ngày 9/4/2019 sẽ bán chiếc xe Honda SH 125i vừa trộm cắp ở dưới thành phố N, C đồng ý và mở cốp xe mô tô thấy bên trong có 01 đăng ký xe mô tô và một số giấy tờ khác, C đi mua 01 ổ khóa điện rồi tự mình thay ổ khóa mới cho xe mô tô, sau đó C tháo biển kiểm soát 35N1-055..9 thay thành biển kiểm soát 29D1-331..1 rồi vứt biển kiểm soát 35N1-055..9 và giấy đăng ký xe mô tô cùng một số giấy tờ ra bãi rác. Sáng ngày 9/4/2019 H điều khiển xe mô tô Honda SH 125i lắp biển kiểm soát 29D1-331..1 đón T tại ngã ba Văn Điển, thành phố Hà Nội rồi chở về quán nước ở thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội. H điện thoại cho C ra quán nước với mục đích giả làm chủ chiếc xe mô tô, C nói bán xe mô tô với giá 28.000.000 đồng, do không biết chiếc xe mô tô trên C và H trộm cắp mà có nên anh T đã đồng ý mua xe nhưng xin giảm giá mua xe xuống còn 26.000.000 đồng, H và C đồng ý. Do T chỉ mang số tiền 20.000.000 đồng nên xin hẹn trả số tiền 6.000.000 đồng còn lại cho H sau và thỏa thuận với C khi nào trả hết tiền nợ mua xe mô tô thì C sẽ bàn giao giấy đăng ký xe mô tô, giấy bán xe cho T sử dụng, H nhận tiền rồi giao chìa khóa xe mô tô cho T sử dụng. Sau khi bán xe C và H chia nhau mỗi người 10.000.000 đồng và tiêu xài hết. Sau đó anh T đã trả cho H thêm 1.000.000 đồng tiền mua xe, H đã chi tiêu hết.

Chị P sau khi phát hiện bị mất chiếc xe mô tô đã trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 25 ngày 07/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố N, tỉnh Ninh Bình kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, màu đen, trắng biển kiểm soát 35N1-055..9 trị giá là 42.600.000 đồng.

Quá trình điều tra anh Lê Đình T đã giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đình Thị P.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 21/4/2019 C tiếp tục điện thoại cho Phạm Văn H nói “ra đi làm” với mục đích rủ H ra ngoài Hà Nội cùng C đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. Khoảng 11 giờ ngày 22/4/2019 H bắt xe về đến nhà C ở thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội, C và H thống nhất đi về thành phố N tìm xe ô tô không có người trông coi để trộm cắp mặt kính gương chiếu hậu. Khoảng 16 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô Honda Airblade màu vàng đen (C không nhớ biển kiểm soát) chở H đi xuống thành phố N để trộm cắp tài sản, trên đường đi C nói với H nếu phát hiện tài sản thì nói “dừng lại”, đến thành phố N thì C chở H đến một quán tạp hóa rồi C dừng xe vào mua 01 chiếc túi bóng màu đen có quai và 01 chiếc khẩu trang rồi bỏ vào quần và tiếp tục chở H đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 19 giờ cùng ngày, C chở H đi trên tuyến đường quốc lộ 1A thì phát hiện

bên hông số nhà 03, đường P, phố 7, phường V, thành phố N có 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Audi Q5 màu đen, biển kiểm soát 35A-12..18 của anh Vũ Thanh P1 sinh năm 1986 trú tại phố 7, phường V, thành phố N đang đỗ bên hông số nhà 03, C điều khiển xe mô tô chở H đi qua chiếc xe ô tô Audi màu đen phát hiện gương chiếu hậu của xe ô tô không có bảo hiểm mặt kính gương chiếu hậu, khu vực tại đây không có người trông coi tài sản nên C điều khiển xe mô tô quay lại phía trước đầu xe ô tô Audi rồi xuống xe, H từ phía sau ngồi lên cầm lái để quan sát, cảnh giới cho C tìm cách lấy trộm gương xe ô tô, C đi vòng ra phía sau xe ô tô tiến đến cánh cửa ghế phụ bên phải phía trước dùng tay mở gáo gương chiếu hậu bên phải rồi tháo lấy mặt kính gương chiếu hậu bên phải bỏ vào trong bụng, sau đó đi bộ vòng ra phía sau xe ô tô với mục đích tiếp tục trộm cắp nhưng thấy có xe mô tô đi từ phía đầu ngõ vào nên C đứng lại đợi đến khi xe mô tô đi qua C tiếp tục đi đến cánh cửa ghế lái bên trái phía trước dùng tay mở gáo gương chiếu hậu bên trái tháo lấy mặt kính gương chiếu hậu bên trái rồi cầm ở tay và đi đến xe mô tô để H điều khiển bỏ chạy, đi được khoảng 100m C lấy chiếc túi bóng có quai màu đen treo ở giữa xe mô tô cất 02 mặt kính gương chiếu hậu vừa trộm cắp được vào trong túi bóng.

Lần thứ ba: Sau khi lấy được 02 mặt kính gương chiếu hậu của chiếc xe ô tô Audi H tiếp tục chở C đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, khi đi đến khu vực gần cầu Non nước thì H chở C rẽ phải vào trong ngõ thuộc phố 4, phường Đ, thành phố N thì C phát hiện thấy có 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Lexus RX450H màu vàng, biển kiểm soát 35A-03...8 của gia đình bà Tống Thị B, sinh năm 1959, trú tại phố 4, phường Đ, thành phố N đang đỗ phía trước cửa số nhà 27, C bảo H dừng xe để C lên điều khiển xe mô tô chở H đi đến vị trí xe ô tô, C quan sát thấy xe không lắp bảo hiểm gương chiếu hậu, không có người trông coi tài sản, C điều khiển xe mô tô dừng cách xe ô tô nhãn hiệu Lexus RX450H màu vàng, biển kiểm soát 35A-03...8 khoảng 5m để H ở lại xe mô tô cảnh giới, còn C đi bộ tiến đến cánh cửa phụ bên phải dùng tay mở gáo gương chiếu hậu phải tháo lấy mặt kính gương chiếu hậu bên phải bỏ vào trong bụng rồi tiếp tục vòng ra phía sau xe ô tô đến cánh cửa ghế lái tiếp tục dùng tay mở gáo gương chiếu hậu bên trái tháo lấy mặt kính gương chiếu hậu bên trái cầm ở tay sau đó đi lại chỗ H đứng đợi và bỏ đi. Trên đường đi C lấy chiếc túi bóng có quai treo ở phần giữa xe mô tô bỏ 02 mặt kính gương chiếu hậu xe ô tô Lexus vừa trộm cắp được bỏ vào túi bóng.

Lần thứ tư: Khoảng 20 giờ 22/4/2019, H tiếp tục điều khiển xe mô tô chở C đi đến khu vực ngõ 227, đường Đ, phố K, phường N, thành phố N, Cường nhìn thấy phía trong ngõ 227 có đỗ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes - Benz màu đen rồi nói Hiệp dừng lại, C xuống điều khiển xe mô tô chở H đi qua chiếc xe ô tô Mercedes - Benz S400 màu đen, biển kiểm soát 35A-0....3 của anh Trần Hải N sinh năm 1960 trú tại phố T, phường B, thành phố N đang dừng đỗ trong ngõ 227, phát hiện thấy xe không có bảo hiểm mặt kính gương chiếu hậu, C điều khiển xe mô tô

đến cuối ngõ rồi vòng xe quay lại phía đầu ngõ vừa đi vào và dừng xe để H ngồi trên xe quan sát, cảnh giới cho C vào trộm cắp tài sản. C lấy từ trong túi quần chiếc khẩu trang đã chuẩn bị từ trước đeo lên mặt rồi tiến đến cánh cửa ghế lái bên trái, C ngồi xuống dùng tay mở gáo gương chiếu hậu bên trái tháo lấy mặt kính gương chiếu hậu bên trái bỏ vào trong bụng, tiếp tục đi vòng ra phía sau xe ô tô đến cánh cửa ghế phụ bên phải phía trước dùng tay mở gáo gương chiếu hậu bên phải tháo lấy mặt kính chiếu hậu bên phải cầm ở tay, rồi đi bộ đến xe mô tô ngồi phía sau để H điều khiển xe mô tô chở về nhà C ở thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội.

Khoảng 10 giờ ngày 23/4/2019 C điều khiển xe mô tô Honda Airblade chở H đến khu vực đầu phố Huế, thành phố Hà Nội rồi để H đứng ở đầu đường đợi, còn C điều khiển xe mô tô đến một quán nước bán 06 mặt kính gương chiếu hậu xe ô tô trộm cắp được ở thành phố N cho một người đàn ông tên C với giá 3.000.000 đồng. Số tiền bán gương C chia cho H 1.500.000 đồng, C và H đã tiêu xài hết số tiền trên.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản anh P1, bà B1, ông N1 đã trình báo cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố N.

Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm 06 mặt kính gương chiếu hậu xe ô tô mà Nguyễn Mạnh C và Phạm Văn H trộm cắp nhưng không thấy. Trưng cầu định giá tài sản đối với 06 mặt kính trên, kết quả như sau: **Tại bản Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐ ngày 13/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố N, kết luận:** 02 mặt kính gương chiếu hậu xe ô tô nhãn hiệu Audi Q5, màu đen có tổng giá trị tài sản là 10.010.000 đồng; **Tại bản Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐ ngày 31/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố N kết luận** 02 mặt kính gương chiếu hậu xe ô tô nhãn hiệu Lexus RX 450H có tổng giá trị tài sản là 11.750.000 đồng; **Tại bản Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐ ngày 27/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND TP Ninh Bình kết luận** 02 mặt kính gương chiếu hậu xe ô tô nhãn hiệu Mercedes - Benz, S400 màu đen có tổng giá trị tài sản là 12.750.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 177/CT-VKS ngày 28/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Phạm Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”; theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS) đối với Nguyễn Mạnh C; theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS đối với Phạm Văn H.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Phạm Văn H đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận định giá tài sản trong tố tụng Hình sự số 25 ngày 07/5/2019; số 28/KL-HĐ ngày 13/5/2019; số 33/KL-HĐ ngày 27/5/2019; số 34/KL-HĐ ngày 31/5/2019 của UBND thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Đối với những người bị hại:

- Chị Đinh Thị P sau khi nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, màu đen trắng, không có yêu cầu đề nghị gì đối với các bị cáo. Đối với chiếc biển kiểm soát 35N1-055..9 và sổ giấy tờ để trong cốp xe mô tô gồm 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Đinh Thị P; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ ngân hàng Vietinbank mang tên ông Đỗ Quốc T sau khi trộm cắp xe mô tô, Nguyễn Mạnh C đã vứt đi không thu hồi được, chị P cũng không có yêu cầu đề nghị gì;

- Anh Vũ Thanh P1 yêu cầu Nguyễn Mạnh C và Phạm Văn H phải bồi thường trị giá 02 gương chiếu hậu của xe Audi Q5. Bà Tống Thị B yêu cầu C và H bồi thường trị giá 02 gương chiếu hậu của xe Lexus RX 450H. Ông Trần Hải N yêu cầu C và H bồi thường trị giá 02 gương chiếu hậu của xe Mercedes - Benz, S400.

Người có quyền lợi liên quan anh Lê Đình T yêu cầu C và H phải trả lại toàn bộ số tiền đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, màu đen trắng với số tiền 21.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Phạm Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Xử phạt Nguyễn Mạnh C từ 33 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 05/7/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS; Xử phạt Phạm Văn H từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Cường và Hiệp liên đới bồi thường cho anh Phong số tiền 10.010.000 đồng (theo phần mỗi bị cáo là 5.005.000 đồng); cho bà Bảo số tiền 11.750.000 đồng (theo phần mỗi bị cáo là 5.875.000 đồng); cho ông Ninh số tiền 12.750.000 đồng (theo phần mỗi bị cáo là 6.375.000 đồng). Anh Thành số tiền 21.000.000 đồng (theo phần bị cáo Cường là 10.000.000 đồng, bị cáo Hiệp là 11.000.000 đồng).

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản trích xuất Camera; Biên bản thực nghiệm điều tra; Kết luận giám định số 30 ngày 25/6/2019, kết luận giám định số 45 ngày 11/7/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình; Các Bản kết luận định giá sản số 28/KL-HĐ ngày 13/5/2019, số 34/KL-HĐ ngày 31/5/2019, số 33/KL-HĐ ngày 27/5/2019, số 25/KL-HĐ ngày 07/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND TP Ninh Bình và phù hợp với nội dung Bản cáo trạng. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Trong hai ngày 08/4/2019 và 22/04/2019 Nguyễn Mạnh C và Phạm Văn H đã 04 lần lợi dụng sở hữ, lén lút chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố N với tổng trị giá tài sản là 77.110.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 18 giờ ngày 8/4/2019, tại đường T, phố P, phường P, thành phố N, C và H đã trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i biển kiểm soát 35N1-055..9 của chị Đinh Thị P trị giá 42.600.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 22/04/2019, tại đường P, phố 7, phường V, thành phố N. C và H trộm cắp 02 mặt kính gương chiếu hậu xe ô tô nhãn hiệu Audi Q5 màu đen, biển kiểm soát 35A-12..18 của anh Vũ Thanh P1 trị giá 10.010.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 22/4/2019 C và H tiếp tục đến nhà bà Tống Thị B ở phố 4, phường Đ, thành phố N trộm cắp 02 mặt kính gương chiếu hậu xe ô tô nhãn hiệu Lexus RX450H màu vàng, biển kiểm soát 35A-03...8 của bà B trị giá 11.750.000 đồng

Lần thứ tư: Khoảng 20 giờ 22/4/2019 C và H đến ngõ 227, đường Đ, phố K, phường N, thành phố N trộm cắp 02 mặt kính gương chiếu hậu xe ô tô Mercedes - Benz S400 màu đen, biển kiểm soát 35A-0....3 của ông Trần Hải N trị giá 12.750.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý; Đối với Nguyễn Mạnh C đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích lại tiếp tục trộm cắp tài sản có tổng trị

giá là 77.110.000 đồng nên lần phạm tội này của C thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” và “Tái phạm nguy hiểm”. Đối với Phạm Văn H cùng Nguyễn Mạnh C trộm cắp tài sản có tổng trị giá là 77.110.000 đồng nên thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo là phạm tội “Trộm cắp tài sản”; theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 BLHS đối với Nguyễn Mạnh C; theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS đối với Phạm Văn H.

Các bị cáo đều có nhân thân xấu nhiều lần bị xử phạt tù về các tội chiếm đoạt tài sản nhưng khi về địa phương sinh sống, các bị cáo không chịu tu trí làm ăn lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo; trong vụ án có hai bị cáo cùng tham gia, hành vi phạm tội của các bị cáo không có tính chất tổ chức. Để cá thể hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng: đối với Nguyễn Mạnh C là người khởi sự rủ Hiệp đi trộm cắp tài sản, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do đó bị cáo Cường có vai trò đầu vụ, đối với Phạm Văn H thực hiện hành vi trộm cắp với vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án và trực tiếp tiêu thụ xe mô tô cùng với Cường, do đó bị cáo có vai trò sau bị cáo Cường.

Về tình tiết tăng nặng: Đối với Nguyễn Mạnh C tiền án của bị cáo là dấu hiệu định khung hình phạt thì không bị coi là tình tiết tăng nặng; đối với Phạm Văn H đã có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Ngoài ra các bị cáo Cường và Hiệp đều phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: Khi bị triệu tập đến làm việc bị cáo C đã tự thú và khai nhận các hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo và đồng bọn cùng tham gia thực hiện; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo. Do vậy, bị cáo C được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 điều 51 BLHS; bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với mức độ phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo học tập, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Thanh P1 yêu cầu Nguyễn Mạnh C và Phạm Văn H phải bồi thường trị giá 02 gương chiếu hậu của xe Audi Q5. Bà Tổng Thị B yêu cầu C và H bồi thường trị giá 02 gương chiếu hậu của xe Lexus RX

450H. Ông Trần Hải N yêu cầu C và H bồi thường trị giá 02 gương chiếu hậu của xe Mercedes - Benz, S400 theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố N là có căn cứ cần chấp nhận; Do đó, cần buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường: cho anh P1 số tiền 10.010.000 đồng (theo phần mỗi bị cáo là 5.005.000 đồng); cho bà Tống Thị B số tiền 11.750.000 đồng (theo phần mỗi bị cáo là 5.875.000 đồng); cho ông Trần Hải N số tiền 12.750.000 đồng (theo phần mỗi bị cáo là 6.375.000 đồng).

[4]. Các biện pháp tư pháp: anh Lê Đình T là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, màu đen trắng, lắp biển kiểm soát 29D1-331..1 của Nguyễn Mạnh C nhưng không biết C và H trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với anh T. Đối với số tiền 21.000.000 đồng anh T đã trả trước cho C và H để mua xe, anh T yêu cầu C và H phải trả lại toàn bộ số tiền trên cho anh T là có căn cứ cần chấp nhận. Do đó, cần buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh T số tiền 21.000.000 đồng (theo phần bị cáo C là 10.000.000 đồng, bị cáo H là 11.000.000 đồng).

[5]. Các vấn đề khác:

- Đối với anh Lê Đình T là người đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, màu đen trắng, lắp biển kiểm soát 29D1-331..1 của Nguyễn Mạnh C nhưng không biết C và H trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với anh T.

- Đối với người đàn ông tên “Cường” là người C khai đã mua 6 mặt kính gương chiếu hậu xe ô tô trộm cắp được tại thành phố N ngày 22/4/2019, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát xác minh tại công an phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội nhưng không có kết quả, do đó cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ nhân thân, lai lịch người đàn ông tên Cường.

- Đối với chiếc xe Honda Airbalde màu vàng đen (C không nhớ biển kiểm soát) C sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản cùng Phạm Văn H tại thành phố N, cường khai mượn của ông Ngô Hồng Q sinh năm 1965 trú tại phố T, phường C, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, sau khi trộm cắp C đã trả lại chiếc xe trên cho ông Q, quá trình điều tra xác định ông Ngô Hồng Q đã chết vào ngày 28/7/2019 vì vậy cơ quan điều tra không xác định được cụ thể đặc điểm, tình trạng chiếc xe và không thu giữ được

- Đối với 01 biển kiểm soát 29D1-331..1 lắp trên xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i màu đen trắng thu giữ của anh Lê Đình T, quá trình điều tra C khai nhận nhặt được chiếc biển kiểm soát này ở đường sau khi lấy trộm được chiếc xe mô tô Honda SH 125i màu đen trắng biển kiểm soát 35N1-055..9 Cường tháo biển ra thay biển kiểm soát 29D1-331..1 vào xe và vứt biển kiểm soát 35N1-055..9 đi sau đó bán xe cho anh Lê Đình T, quá trình điều tra xác định biển kiểm soát 29D1-331..1 gắn ở xe mô tô nhãn hiệu Honda lead chủ xe mang tên chị Tạ Thùy T sinh năm 1994 trú tại phố Lò Đúc, phường Đông Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố

Hà Nội. Tiến hành làm việc với chị T, chị T xác định có sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 29D1-331..1, khoảng tháng 04/2019 chị T phát hiện bị rơi mất biển kiểm soát trên, đến nay chị T đề nghị được nhận lại biển kiểm soát trên. Cơ quan CSĐT Công an thành phố N đã tách phần tài liệu liên quan đến chiếc biển kiểm soát trên để làm rõ và xử lý sau.

- Đối với chiếc điện thoại hiệu Oppo lắp sim 0989.086.221 và sim 0988.630.220 Nguyễn Mạnh C khai nhận dùng để liên lạc với Phạm Văn H để rủ đi trộm cắp tài sản, C khai điện thoại đã bị hỏng nên vứt đi cùng số sim nêu trên nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 plus lắp sim 0865.827.567 H khai nhận để liên lạc với C đi trộm cắp tài sản, sau khi phát hiện C bị công an thành phố N bắt giữ, Hiệp đã vứt số sim trên đi, còn chiếc điện thoại hiệu Iphone 8 plus hiện đang bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội thu giữ.

- Đối với 01 chiếc cà lê loại số 8 có gắn một đầu mũi khoan đã được mài dẹp là công cụ Cường sử dụng để trộm cắp xe mô tô Cường đã vứt đi nên cơ quan điều tra không thu giữ được

[5] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Đối với C phải chịu là (5.005.000 đồng + 5.875.000 đồng + 6.375.000 đồng + 10.000.000 đồng) x 5% = 1.363.000 đồng.

Đối với H phải chịu là (5.005.000 đồng + 5.875.000 đồng + 6.375.000 đồng + 11.000.000 đồng) x 5% = 1.413.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với Nguyễn Mạnh C;

- Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với Phạm Văn H

Điều 46, Điều 48 BLHS; các điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự; khoản 2 các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Phạm Văn H đều phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C 33 (Ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2019.

1.2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh C phải bồi thường cho:

- Anh Vũ Thanh P1 số tiền 5.005.000 đồng;
- Bà Tổng Thị B số tiền 5.875.000 đồng;
- Ông Trần Hải N số tiền 6.375.000 đồng;
- Anh Lê Đình T số tiền 10.000.000 đồng;

2.2. Buộc bị cáo Phạm Văn H phải bồi thường cho:

- Anh Vũ Thanh P1 số tiền 5.005.000 đồng;
- Bà Tổng Thị B số tiền 5.875.000 đồng;
- Ông Trần Hải N số tiền 6.375.000 đồng;
- Anh Lê Đình T số tiền 11.000.000 đồng;

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh C phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.363.000^d (Một triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.413.000^d (Một triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo C, H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị P, anh P1, bà B, ông N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- THA.DS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu (hồ sơ, VP);